

Số: /GPMT-BQL

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty TNHH ENDO Việt Nam tại Văn bản số 107/CV-ENDO ngày 10/7/2024 về việc đề nghị cấp phép môi trường của dự án đầu tư "Công ty TNHH ENDO Việt Nam" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý tài nguyên và môi trường tại Tờ trình số 100/TTr-QLTNMT ngày 25/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH ENDO Việt Nam (địa chỉ trụ sở chính: Nhà xưởng số 18, tổ hợp nhà máy cho thuê số 3, lô P-1A (lô I-1 theo Quyết định số 4477/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội về

việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Thăng Long, tỷ lệ 1/2000), KCN Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư: Công ty TNHH ENDO Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH ENDO Việt Nam

1.2. Địa điểm hoạt động:

- Địa điểm số 1: Nhà xưởng số 18, tổ hợp nhà máy cho thuê số 3, lô P-1A (lô I-1 theo Quyết định số 4477/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội), KCN Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Địa điểm số 2: Nhà xưởng trong lô B-5a (lô B-4 theo Quyết định số 4477/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội), KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0105984590 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/08/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26/02/2024.

1.4. Mã số thuế: 0105984590

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Gia công, sản xuất các sản phẩm cơ khí từ kim loại; gia công, sản xuất các sản phẩm cơ khí từ plastic

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng mức đầu tư: 141.071.580.000 đồng (*Một trăm bốn mươi một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng*)

- Diện tích: 3.099m² gồm:

+ Địa điểm số 1: 1.564m²

Các hạng mục công trình nhà xưởng tại địa điểm số 1: Kho nguyên vật liệu (86m²), Khu vực sản xuất (khu vực đặt máy móc thiết bị sản xuất) (1.068,7m²), Khu vực bavia (89,7m²), Phòng kiểm tra chất lượng (90m²), Kho thành phẩm (42m²) và các hạng mục công trình khác như: Kho rác, Phòng điện, Phòng máy nén khí, Nhà vệ sinh, Văn phòng làm việc, Phòng khách, Phòng họp.....

(Theo Hợp đồng thuê nhà xưởng trong tổ hợp nhà máy cho thuê số TLIP-TLAF-LC-028 ngày 01/8/2017 và Hợp đồng bổ sung số TLIP-TLAF-LC-028-SA01012019 giữa Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long và Công ty TNHH ENDO Việt Nam)

+ Địa điểm số 2: 1.535m²

Các hạng mục công trình nhà xưởng tại địa điểm số 2: Phòng nguyên vật liệu (58m²), Khu vực sản xuất (khu vực đặt các máy móc sản xuất) (884,1m²), Kho thành phẩm (18m²), Phòng chất lượng (62m²), Phòng máy nén khí (17m²) và hạng mục công trình khác như: Phòng tủ điện, Kho rác, Khu vệ sinh, Văn phòng làm việc, Phòng họp, Phòng khách....

(Theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số ENDO-SEED/122003 ngày 6/12/2023 và Phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thuê nhà xưởng số ENDO-SEED/122003 ngày 25/12/2023 giữa Công ty TNHH SEED Việt Nam và Công ty TNHH ENDO Việt Nam)

- Công suất cụ thể như sau:

+ Tại địa điểm số 1:

Sản phẩm cơ khí từ kim loại: 780.890 sản phẩm/năm

Sản phẩm cơ khí từ Plastic: 100.000 sản phẩm/năm

+ Tại địa điểm số 2:

Sản phẩm cơ khí từ kim loại 1.219.110 sản phẩm/năm

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 4340278404 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận lần đầu ngày 17/8/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 05/02/2024)

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và dự án đầu tư nhóm II (theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện đấu nối, xử lý nước thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH ENDO Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ: Theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình bảo vệ môi trường, quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công

ng nghiệp và chế xuất Hà Nội để được hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024 đến ngày 26 tháng 9 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý tài nguyên và môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Đông Anh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND huyện Đông Anh
- Văn phòng BQL (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long;
- Công ty TNHH ENDO Việt Nam;
- Lưu: VT, QLTMNT.

TRƯỞNG BAN

Lê Quang Long

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của cán bộ công nhân làm việc tại nhà xưởng đặt tại địa điểm số 1

+ Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của cán bộ công nhân làm việc tại nhà xưởng đặt tại địa điểm số 2

Nước thải sản xuất:

+ Nguồn thải số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn lấy bavia tại nhà xưởng đặt tại địa điểm số 1 được thu gom, quản lý như chất thải nguy hại.

+ Nguồn thải số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn cắt dây tại nhà xưởng đặt tại địa điểm số 2 được thu gom, quản lý như chất thải nguy hại.

- Không thuộc đối tượng cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thăng Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, không xả trực tiếp nước thải ra môi trường).

- Chủ dự án đã ký hợp đồng thuê đất và sử dụng tiện ích với Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long (là chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Dự án.

- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt tại nhà xưởng tại địa điểm số 1:

Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 04 nhà vệ sinh theo đường ống uPVC (Φ60; Φ90, L=28m) tự chảy vào đường ống uPVC (Φ110, L=38m) và tự chảy vào 01 bể tự hoại 3 ngăn (V=6m³). Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại tự chảy vào đường ống uPVC (D160, L=92m) thoát vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Thăng Long dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Thăng Long, công suất thiết kế 11.000m³/ngày đêm.

Tọa độ điểm đầu nối (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu

3⁰): X= 2 335 239; Y= 580 263

- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt tại nhà xưởng tại địa điểm số 2:

Nguồn thải số 02: Nước thải từ 02 nhà vệ sinh tầng 1 theo đường ống PVC (60A, 90A, 110A, L=30m) cùng nước thải sinh hoạt từ 02 nhà vệ sinh và khu vực rửa tay tại tầng 2 theo đường ống PVC (48A, 60A, 90A, 110A, l=15m) tự chảy vào 01 bể tự hoại 3 ngăn (V=15m³). Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại, tự chảy vào đường ống PVC (D90, L=40m) thoát vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Thăng Long dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Thăng Long, công suất thiết kế 11.000m³/ngày đêm.

Tọa độ điểm đầu nối (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰): X = 2 336 551; Y = 580 245.

1.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thuê đơn vị chức năng đến thu gom và hút bùn cặn bể tự hoại.
- Trong trường hợp vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống: Định kỳ kiểm tra bảo dưỡng, thay thế.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Thăng Long, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

2.2. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Nhà máy.

2.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải sơ bộ và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực đặt các máy móc thiết bị trong nhà xưởng tại địa điểm số 1

- Nguồn số 02: Khu vực đặt các máy móc thiết bị trong nhà xưởng tại địa điểm số 2

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí nguồn số 01: X= 2 335 232 và Y= 580 275

- Vị trí nguồn số 02: X= 2 336 571 và Y= 580 218

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Vận hành theo đúng quy trình của nhà sản xuất; thường xuyên kiểm tra, bảo

trì, bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị (tra dầu mỡ, vệ sinh cánh quạt...); duy trì các thiết bị máy móc hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn tới mức thấp nhất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)		
				Địa điểm số 1	Địa điểm số 2	Tổng
1	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	40.290	36.301	76.591
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rộng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	5.584	3.350	8.934
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	300	120	420
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	23.954	7.486	31.440
5	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay	Rắn, bùn	07 03 11	96.464	50.396	146.860

	dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác					
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	Bùn	07 03 07	2.919	1.456	4.378,5
7	Nước thải có thành phần nguy hại	Lông	19 10 01	19.000	5.000	24.000
Tổng				188.511	104.109	292.620

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Chất thải sinh hoạt phát sinh tại địa điểm số 1	kg/năm	37.500
2	Chất thải sinh hoạt phát sinh tại địa điểm số 2	kg/năm	30.000
Tổng		kg/năm	67.500

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng (kg/năm)		
			Địa điểm số 1	Địa điểm số 2	Tổng
1	Bìa carton thải	Kg/năm	600	230	830
2	Nhựa thường thải (vỏ chai nhựa)	Kg/năm	183	115	298
3	Gỗ thải	Kg/năm	230	520	750
4	Các sản phẩm lỗi. Đầu mẫu kim loại và nhựa thải	Kg/năm	5.569,4	7.355	12.924,4
Tổng		Kg/năm	6.582,4	8.220	14.802,4

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại (CTNH):

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Địa điểm số 1: Tại các khu vực phát sinh, bố trí các thùng nhựa dung tích 120lít có dán nhãn mã CTNH theo quy định. Cuối ca sản xuất, nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển về khu vực lưu giữ CTNH.

+ Địa điểm số 2: Tại các khu vực phát sinh, bố trí các thùng nhựa dung tích

120 lít có dán nhãn mã CTNH theo quy định. Cuối ca sản xuất, nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển về khu vực lưu giữ CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Tại địa điểm số 1 có diện tích: 14,4 m²

Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại gồm các thùng phi kim loại, dung tích 120lít, 200lít, có dán nhãn mã CTNH theo quy định, mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa; có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ.

- Tại địa điểm số 2 có diện tích: 10,6 m²

Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại gồm các thùng phi kim loại, dung tích 120lít có dán nhãn mã CTNH theo quy định, mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa; có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ.

- Vị trí:

+ Tại địa điểm số 1: nằm trong nhà xưởng về phía Tây Nam nhà xưởng, cạnh Phòng kiểm tra chất lượng.

+ Tại địa điểm số 2: nằm trong nhà xưởng về phía Bắc nhà xưởng.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, tần suất thu gom vận chuyển 2 lần/tuần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu giữ:

+ Tại địa điểm số 1: Tại các khu vực phát sinh, bố trí các thùng chứa riêng biệt bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 120lít/thùng, có dán tên từng nhóm chất thải để phân loại. Cuối ca sản xuất, nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển về khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường.

+ Tại địa điểm số 2: Tại các khu vực phát sinh, bố trí các thùng chứa riêng biệt bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 120lít/thùng, có dán tên từng nhóm chất thải để phân loại. Cuối ca sản xuất, nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển về khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu giữ:

- Tại địa điểm số 1 có diện tích: 2,32 m²

Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường gồm các thùng nhựa, dung tích 120lít, có dán nhãn theo quy định, có tường bao, mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước

mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

- Tại địa điểm số 2 có diện tích: 5,78 m²

Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường gồm các thùng nhựa, dung tích 120lít, có tường bao, mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

- Vị trí:

+ Tại địa điểm số 1: nằm trong nhà xưởng về phía Tây Nam nhà xưởng, cạnh phòng kiểm tra chất lượng.

+ Tại địa điểm số 1: nằm trong nhà xưởng về phía Bắc nhà xưởng.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, tần suất thu gom vận chuyển 1 lần/tuần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Tại địa điểm số 1: Tại các khu vực phát sinh (văn phòng, hành lang,...), để sẵn các thùng nhựa dung tích 20lít/thùng. Cuối giờ hành chính hoặc cuối ca sản xuất, nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển về khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

+ Tại địa điểm số 2: Tại các khu vực phát sinh (văn phòng, hành lang,...), bố trí các thùng chứa riêng biệt bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 20lít/thùng, có dán tên từng nhóm chất thải để phân loại. Cuối giờ hành chính hoặc cuối ca sản xuất, nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển về khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa tại địa điểm số 1: nằm trong khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt của TLIP cho các cơ sở thuê nhà xưởng tại lô P-1A (lô I-1 theo Quyết định số 4477/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội), có diện tích khoảng 10m².

- Diện tích khu vực lưu chứa tại địa điểm số 2: 04m² đặt tại phía Nam của nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có cao độ nền bảo đảm không ngập lụt, có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, tần suất thu gom vận chuyển theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn và thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Thăng Long (Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long) theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường./.